

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-index tiếp tục tăng hơn 11 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,608.22 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Xây dựng & vật liệu. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Cây nến rút chân hôm nay cho thấy dòng tiền vẫn nghiêng về ủng hộ đà tăng của thị trường và lực bắt đáy tại 1,590 khá tốt, dù sự giằng co giữa bên mua và bên bán vẫn còn. Trong thời gian tới, VN-Index cần những phiên tích lũy tạo nền để đà tăng vững chắc hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+11.36** điểm, đóng cửa tại **1608.22** điểm. HNX-Index **+0.01** điểm, đóng cửa tại **276.47** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.18)**, **LPB (+1.66)**, **VCB (+0.98)**, **MBB (+0.87)**, **HDB (+0.84)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.47)**, **SSI (-0.34)**, **GEE (-0.33)**, **VIB (-0.27)**, **GEX (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **43,790** tỷ đồng, giảm **-1.26%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 45,460 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.16 điểm. Thị trường có **176** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **156** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-691.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-171.30 tỷ)**, **VHM (-155.48 tỷ)**, **SSI (-124.93 tỷ)**, **HPG (-118.86 tỷ)**, **MWG (-92.72 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.73** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.97%**. Các mã diễn biến tích cực:
KDH (+6.88%)
PDR (+5.29%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+3.61%)
- BSC50 **+1.08%**. Các mã diễn biến tích cực:
HAH (+6.96%) [\(Link báo cáo\)](#)
POW (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
VGC (+6.94%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.97%	1.08%	0.71%	0.77%
1 tuần	5.36%	5.66%	3.95%	3.83%
1 tháng	9.03%	16.44%	10.32%	10.12%
3 tháng	22.27%	29.31%	22.79%	25.57%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,608.22	276.47	109.20
% 1D	0.71%	0.00%	-0.05%
GTKL (tỷ VND)	43,790	3,120	1,179
%1D	-1.26%	-17.81%	-8.50%
GDNN (tỷ VND)	-691.64	-17.73	-20.32

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	103.44	FPT	-171.30
STB	83.52	VHM	-155.48
POW	53.71	SSI	-124.93
CTG	49.49	HPG	-118.86
KDH	43.48	MWG	-92.72

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

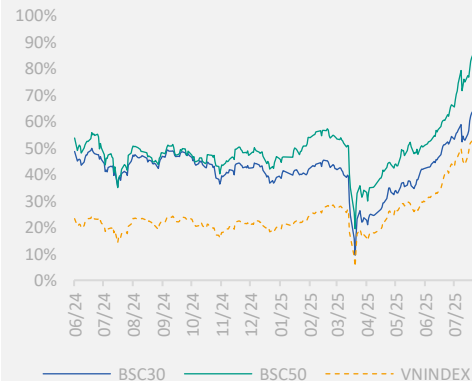
		%D	%W
SPX	6,373	-0.25%	0.69%
FTSE100	9,155	0.28%	0.14%
Eurostoxx	5,337	0.15%	1.75%
Shanghai	3,666	0.50%	1.34%
Nikkei	42,718	2.15%	6.02%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.57	-0.21%
Giá vàng	3,346	-1.52%
Tỷ giá		
USD/VND	26,430	0.11%
EUR/VND	31,286	-0.08%
JPY/VND	181	-0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	-0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	41.50	3.23%	2.18	7.02
LPB	38.05	6.28%	1.66	2.99
VCB	63.00	0.80%	0.98	8.36
MBB	32.40	1.89%	0.87	6.10
HDB	28.90	3.58%	0.84	3.51

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	18.50	2.21%	0.25	0.89
NVB	17.20	1.78%	0.24	1.17
KSF	69.00	1.62%	0.23	0.30
PVS	37.90	1.34%	0.16	0.48
LHC	108.30	9.95%	0.10	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAH	63.00	6.96%	0.17	9.03
POW	16.15	6.95%	0.60	39.97
VSC	27.70	6.95%	0.16	40.33
VGC	66.30	6.94%	0.47	5.00
TCT	20.05	6.93%	0.00	0.07

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LHC	108.30	9.95%	0.59	0.24
VNT	36.70	9.88%	0.23	0.00
SDG	14.50	9.85%	0.06	0.00
BTW	64.00	9.78%	0.22	0.00
BXH	13.90	9.45%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	93.00	-0.53%	-0.47	4.11
SSI	36.75	-2.00%	-0.34	1.97
GEE	129.00	-3.01%	-0.33	0.37
VIB	19.90	-1.97%	-0.27	2.98
GEX	58.80	-2.00%	-0.25	0.90

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	23.90	-2.05%	-0.30	0.89
KSV	167.10	-0.54%	-0.12	0.20
NTP	65.60	-1.06%	-0.08	0.17
VIF	16.10	-1.83%	-0.07	0.35
BAB	14.10	-0.70%	-0.06	0.96

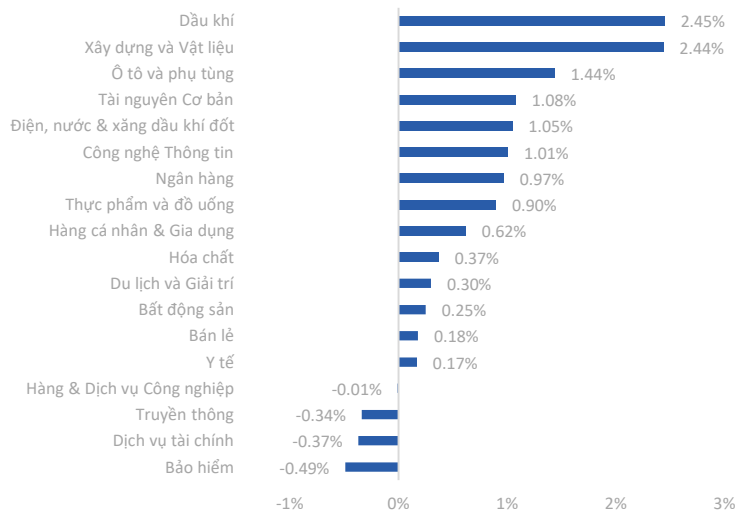
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CLW	48.20	-6.77%	-0.01	0.00
SVI	54.20	-4.91%	-0.01	0.00
S4A	34.05	-4.89%	-0.02	0.00
TNC	30.70	-4.66%	-0.01	0.00
SFC	19.75	-4.59%	0.00	0.00

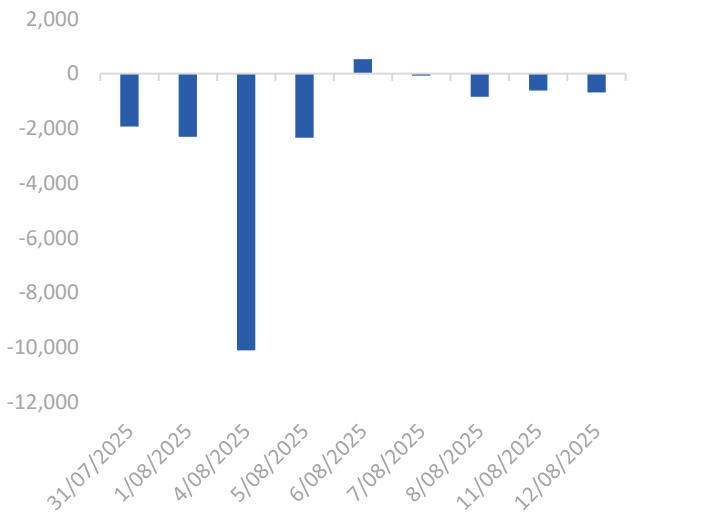
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PSC	10.30	-9.65%	-0.03	0.00
BBS	14.20	-9.55%	-0.03	0.00
THS	14.30	-9.49%	-0.01	0.00
TKU	13.50	-8.16%	-0.20	0.00
SDC	7.20	-7.69%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	72.2	0.1%	1.4	106,597	632.7	3,304	21.8	84,700	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	33.6	0.3%	1.5	31,502	214.0	1,831	18.3		15.0%	
KDH	Bất động sản	34.2	6.9%	1.4	35,911	350.4	717	44.7		32.8%	
PDR	Bất động sản	23.9	5.3%	1.8	22,242	1006.6	177	128.5	23,600	9.8%	Link
VHM	Bất động sản	93.0	-0.5%	0.9	384,043	478.2	6,995	13.4	81,300	10.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	107.5	1.0%	0.9	181,253	1183.7	5,092	20.9	136,500	38.9%	Link
BSR	Dầu khí	23.0	3.6%	0.0	68,676	409.1	(16)	(1,383)		0.3%	
PVS	Dầu khí	37.9	1.3%	1.5	17,876	381.9	2,649	14.1	38,600	12.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.8	-1.3%	1.4	30,347	420.9	1,147	24.5		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	36.8	-2.0%	1.4	73,945	1734.2	1,577	23.8		40.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	45.5	-0.9%	1.4	33,167	544.5	1,370	33.5		28.4%	
DCM	Hóa chất	41.3	1.9%	1.5	21,467	253.3	3,221	12.6	47,300	6.3%	Link
DGC	Hóa chất	107.9	1.5%	1.3	40,370	524.0	8,205	13.0	109,300	14.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	-0.6%	0.8	125,334	356.8	3,305	7.4	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	41.5	3.2%	0.9	282,259	641.4	3,683	10.9	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	48.0	1.1%	1.2	255,075	686.7	5,608	8.5	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	28.9	3.6%	1.1	97,512	891.8	4,094	6.8	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	32.4	1.9%	1.1	194,052	1819.5	4,021	7.9	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	15.4	0.3%	1.0	39,910	229.0	1,961	7.8	14,000	28.6%	Link
STB	Ngân hàng	54.0	0.6%	1.0	101,236	381.4	6,148	8.7		20.3%	
TCB	Ngân hàng	37.7	-0.1%	1.1	267,506	853.9	3,019	12.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.2	-1.8%	1.2	51,650	819.2	2,423	8.1	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	63.0	0.8%	0.8	522,230	791.4	4,148	15.1	75,700	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	19.9	-2.0%	0.9	69,101	350.2	2,219	9.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.6	0.0%	1.1	234,844	1246.5	2,193	13.5	26,500	25.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.5	1.2%	1.3	216,064	2414.4	1,750	16.1	35,800	22.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.9	0.5%	1.6	12,264	352.6	751	26.3	16,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.3	0.8%	1.4	11,931	305.3	4,124	7.5	32,200	5.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	83.6	2.0%	1.4	118,565	1143.4	1,862	44.0	92,700	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.8	0.5%	0.6	128,532	334.5	4,101	15.0	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	48.2	1.80%	1.5	10,367	203.9	2,216	21.4	26.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	150.0	-0.66%	0.6	25,716	151.1	3,163	47.7	33.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.4	-0.37%	1.1	39,789	48.3	3,311	16.2	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	23.2	-0.86%	1.5	15,094	858.8	183	127.4	4.9%	1.5%	
DXG	Bất động sản	21.6	-0.23%	1.6	22,008	544.4	353	61.2	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	37.3	3.04%	1.4	6,448	371.4	482	75.1	6.0%	3.8%	
HDG	Bất động sản	28.8	1.95%	1.4	10,451	246.7	522	54.1	17.2%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	49.5	0.00%	1.5	16,335	211.7	4,574	10.8	18.0%	27.3%	
NLG	Bất động sản	43.6	2.47%	1.5	16,366	163.2	1,709	24.9	49.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	66.5	-0.75%	1.3	16,222	38.6	5,315	12.6	4.2%	28.6%	
SZC	Bất động sản	38.1	-0.13%	1.3	6,866	107.6	1,978	19.3	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	25.4	1.40%	1.5	16,705	278.9	1,125	22.2	11.9%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	115.5	0.00%	1.0	441,633	344.7	3,580	32.3	3.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	29.5	0.34%	1.0	66,693	128.2	1,937	15.2	18.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.6	0.36%	1.3	8,758	87.3	1,701	24.4	36.7%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	38.5	1.45%	1.0	48,219	189.0	1,596	23.8	16.5%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	23.0	0.00%	1.3	12,785	345.2	1,428	16.1	4.4%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	41.6	-0.48%	1.5	14,484	321.3	1,348	31.0	26.3%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.5	0.00%	1.6	20,907	196.9	1,554	23.5	6.1%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.5	0.14%	1.0	164,924	119.7	5,152	13.7	1.9%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.2	6.95%	1.2	35,362	629.0	624	24.2	3.1%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.6	1.03%	0.9	36,779	126.1	4,418	15.4	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.0	2.42%	0.6	73,360	471.0	3,427	36.2	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.8	-2.00%	1.7	54,144	903.9	1,745	34.4	7.8%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.8	3.23%	1.1	24,749	414.9	3,765	15.6	39.4%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.0	6.96%	1.2	9,946	561.3	5,700	10.3	6.0%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.0	0.80%	1.1	8,835	210.4	2,304	8.2	8.9%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.6	-1.19%	0.0	14,370	63.3	3,339	35.3	5.1%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.5	1.16%	1.0	29,229	67.9	6,129	14.1	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.6	-1.66%	1.0	3,714	82.2	2,693	12.3	49.9%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.0	-1.79%	1.5	2,746	44.4	2,844	7.9	17.1%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	28.8	2.31%	1.4	19,140	215.6	957	29.4	8.4%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	32.5	-0.46%	1.5	130,400	193.0	1,320	24.7	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	27.6	-1.08%	1.0	51,970	319.7	1,783	15.7	5.2%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	38.1	6.28%	0.4	106,945	352.0	3,324	10.8	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.6	0.00%	0.0	26,679	37.7	2,260	6.9	1.9%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	12.8	-1.16%	0.9	34,487	134.2	1,130	11.5	19.8%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	0.90%	1.5	7,497	298.2	666	25.2	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.1	2.07%	1.6	7,069	121.0	1,871	14.2	3.1%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	0.70%	0.5	10,838	295.5	1,921	18.6	4.1%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.3	0.21%	0.7	61,820	64.4	3,185	15.1	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.6	1.36%	1.2	13,198	115.6	6,372	9.2	20.1%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.5	-0.14%	0.6	11,518	28.9	13,894	10.1	85.5%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.7	-0.60%	1.4	8,439	76.5	4,512	18.4	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.8	0.32%	1.2	10,809	69.3	4,928	19.2	6.9%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	47.8	4.37%	1.5	4,617	273.2	2,501	18.3	4.1%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.1	2.73%	1.4	7,287	487.2	1,077	13.6	11.3%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	28.2	4.44%	1.1	9,656	365.7	1,179	22.9	14.7%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.3	-0.38%	1.2	17,034	311.4	1,241	21.2	9.2%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	66.3	6.94%	1.4	27,798	326.7	3,343	18.6	5.8%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>